

Số: 2800/KH-BHXH

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH
Thu và phát triển người tham gia 04 tháng cuối năm 2021

Để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu được giao năm 2021, Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành kế hoạch triển khai thực hiện công tác thu và phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN 04) tháng cuối năm 2021 với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xây dựng các giải pháp thu và khai thác, phát triển người tham gia BHXH (BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện), BHYT, BHTN 04 tháng cuối năm nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao năm 2021.

2. Việc triển khai, tổ chức thực hiện phải đảm bảo hiệu quả, phù hợp với yêu cầu phòng chống dịch bệnh Covid-19;

3. Phát huy vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động, đặc biệt là người đứng đầu các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam, BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh), BHXH quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) trong xây dựng và triển khai thực hiện công tác thu và phát triển người tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

II. MỤC TIÊU

1. Đề xuất các giải pháp phát triển người tham gia BHXH, BHYT, BHTN trong 04 cuối năm, đảm bảo kết thúc năm 2021 phấn đấu phát triển được 2,351 triệu người tham gia BHXH bắt buộc, 561 nghìn người tham gia BHXH tự nguyện, 4,786 triệu người tham gia BHYT (chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm).

2. Đề xuất các giải pháp về thu BHXH, BHYT, BHTN trong 04 tháng cuối năm, đảm bảo kết thúc năm 2021 phấn đấu thu đạt 160.670 tỷ đồng (chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thu và phát triển người tham gia BHXH, BHYT bắt buộc

1.1. Đơn đốc thu

a) Trường hợp dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, các địa phương, đơn vị hoạt động trong trạng thái bình thường mới

- Đối với đơn vị đang tham gia:

Kết xuất dữ liệu trên phần mềm quản lý thu - số, thẻ, phân loại đơn vị nợ BHXH, BHYT, BHTN theo thời gian nợ, thực hiện như sau:

+ Đơn vị nợ dưới 01 tháng: liên hệ qua điện thoại, zalo, mail, gửi thông báo, tài liệu tuyên truyền về các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm của đơn vị trong việc đóng BHXH, BHYT, BHTN, các quy định liên quan đến việc phạt nộp chậm, xử lý đối với đơn vị nợ..., làm việc trực tiếp với đơn vị để đôn đốc đơn vị nộp tiền đóng kịp thời, không để phát sinh lãi chậm đóng.

+ Đơn vị nợ từ 01 đến dưới 03 tháng: trực tiếp đến đơn vị để đôn đốc, nhắc nhở, phổ biến, gửi tài liệu tuyên truyền các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm của đơn vị trong việc đóng BHXH, BHYT, BHTN, các quy định liên quan đến việc phạt nộp chậm, xử lý trách nhiệm đối với đơn vị nợ, ...; lập Biên bản làm việc yêu cầu đơn vị nộp tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN kịp thời cho người lao động (Mẫu D04h-TS theo Quyết định số 505/QĐ-BHXH).

+ Đơn vị nợ từ 03 tháng trở lên: tổ chức thanh tra chuyên ngành đột xuất đối với tất cả các đơn vị theo phụ lục 03 đính kèm.

+ Đề xuất Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành đối với các đơn vị nợ lớn, kéo dài.

+ Thực hiện xử phạt hành chính theo từng hành vi vi phạm; lập hồ sơ chuyển cơ quan điều tra xem xét xử lý hình sự đối với các đơn vị vi phạm theo quy định tại Điều 216 Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Định kỳ hằng tháng báo cáo UBND tỉnh và các ngành chức năng các đơn vị nợ BHXH, BHYT, BHTN; đồng thời công khai danh tính các đơn vị này trên các phương tiện truyền thông.

- Đối với đơn vị đang thực hiện chính sách tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất: Thường xuyên đôn đốc đơn vị đóng đầy đủ các quỹ ốm đau, thai sản, quỹ BHTN, BHYT và đóng bù quỹ hưu trí và tử tuất khi hết thời hạn tạm dừng đóng theo quy định, không để phát sinh nợ.

- Đối với đơn vị giải thể, phá sản, dừng hoạt động sản xuất kinh doanh: Phối hợp chặt chẽ với cơ quan thi hành án, kế hoạch và đầu tư và các cơ quan liên quan đề xuất ưu tiên đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động để giải quyết quyền lợi hưởng chế độ cho người lao động từ nguồn kinh phí thanh lý tài sản.

- Đối với đơn vị chỉ tham gia BHYT từ nguồn ngân sách đóng: Hằng quý, thực hiện đối chiếu, gửi Bảng tổng hợp đối tượng và kinh phí do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng BHYT (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ), Bảng tổng hợp đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, ngân sách nhà nước hỗ trợ (Mẫu B09-TS theo Quyết định số 505/QĐ-BHXH) đến cơ quan tài chính các cấp, cơ quan quản lý đối tượng tham gia BHYT để đôn đốc, yêu cầu chuyển tiền ngân sách đóng, hỗ trợ đóng BHXH, BHYT cho các đối tượng đảm bảo kịp thời, không để phát sinh nợ.

b) Trường hợp dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp phải áp dụng các biện pháp phòng chống dịch

Các địa phương đang phải áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội, hạn chế tụ tập đông người, hạn chế tiếp xúc để phòng, chống dịch Covid-19 thực hiện như sau:

- Đối với đơn vị đang tham gia:

+ Đơn vị nợ dưới 01 tháng: liên hệ qua điện thoại, zalo, mail, gửi thông báo, tài liệu tuyên truyền về các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm của đơn vị trong việc đóng BHXH, BHYT, BHTN, các quy định liên quan đến việc phạt nộp chậm, xử lý đối với đơn vị nợ, ..., đến tất cả đơn vị sử dụng lao động chưa đóng hoặc đóng thiếu BHXH, BHYT, BHTN qua dịch vụ công ích để đôn đốc đơn vị nộp tiền đóng kịp thời, không để phát sinh lãi chậm đóng.

+ Đơn vị nợ từ 01 đến dưới 03 tháng: Thực hiện việc đôn đốc, trao đổi, tiếp nhận thông tin phản hồi của đơn vị bằng các hình thức trực tuyến qua điện thoại, zalo, mail, facebook, ..., đảm bảo thực hiện đầy đủ các công việc như đã nêu ở tiết a điểm 1.1 nêu trên; lập Biên bản làm việc yêu cầu đơn vị nộp tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN kịp thời cho người lao động (Mẫu D04h-TS theo Quyết định số 505/QĐ-BHXH) gửi nhận văn bản qua dịch vụ công ích.

+ Đơn vị nợ từ 03 tháng trở lên: Thực hiện gửi văn bản đến tất cả đơn vị và yêu cầu đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động (kèm theo mẫu 03 ban hành kèm theo quyết định 688/QĐ-BHXH ngày 12/7/2021) qua dịch vụ công ích.

Trường hợp đơn vị cố tình không nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, căn cứ yêu cầu phòng chống dịch bệnh Covid-19, BHXH tỉnh linh hoạt triển khai việc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đóng đối với đơn vị nợ đóng bằng phương pháp kết hợp giữa thanh tra trực tiếp và điện tử theo hướng dẫn của BHXH Việt Nam. Thực hiện xử phạt hành chính theo từng hành vi vi phạm; lập hồ sơ chuyển cơ quan điều tra xem xét xử lý hình sự đối với các đơn vị vi phạm theo quy định tại Điều 216 Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Định kỳ hằng tháng gửi báo cáo UBND tỉnh và các ngành chức năng các đơn vị nợ BHXH, BHYT, BHTN; đồng thời công khai danh tính các đơn vị này trên các phương tiện truyền thông.

- Đối với đơn vị đang thực hiện chính sách tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất: Thường xuyên đôn đốc, trao đổi, tiếp nhận thông tin phản hồi của đơn vị bằng các hình thức trực tuyến qua điện thoại, zalo, mail, facebook, ... yêu cầu đơn vị đóng đầy đủ các quỹ ốm đau, thai sản, quỹ BHTN, BHYT và đóng bù quỹ hưu trí và tử tuất khi hết thời hạn tạm dừng đóng theo quy định, không để phát sinh nợ.

- Đối với đơn vị giải thể, phá sản, dừng hoạt động sản xuất kinh doanh: Phối hợp chặt chẽ với cơ quan thi hành án, kế hoạch và đầu tư và các cơ quan

liên quan đề xuất ưu tiên đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động để giải quyết quyền lợi hưởng chế độ cho người lao động từ nguồn kinh phí thanh lý tài sản.

- Đối với đơn vị chỉ tham gia BHYT từ nguồn ngân sách đóng: Thực hiện trao đổi qua điện thoại, zalo, mail, facebook, ..., hàng quý gửi gửi Bảng tổng hợp đối tượng và kinh phí do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng BHYT (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP), Bảng tổng hợp đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, ngân sách nhà nước hỗ trợ (Mẫu B09-TS) đến cơ quan tài chính các cấp, cơ quan quản lý đối tượng tham gia BHYT thông qua dịch vụ công ích để đơn đốc, yêu cầu chuyển tiền ngân sách đóng, hỗ trợ đóng BHXH, BHYT cho các đối tượng đảm bảo kịp thời, không để phát sinh nợ.

1.2. Phát triển người tham gia

a) Trường hợp dịch bệnh covid-19 được kiểm soát, các địa phương, đơn vị hoạt động trong trạng thái bình thường mới

- Rà soát, điều tra dữ liệu người lao động quyết toán thuế thu nhập cá nhân do cơ quan thuế cung cấp đảm bảo phần đầu hoàn thành số lượng điều tra, rà soát theo phụ lục 04 đính kèm, cụ thể:

+ Kết xuất dữ liệu trên phần mềm quản lý thu - số, thẻ, phân loại, lập danh sách đơn vị chưa tham gia, tham gia chưa đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động (mẫu D04a-TS, mẫu D04b-TS theo Quyết định số 505/QĐ-BHXH) cho người lao động.

+ Gửi thông báo kèm danh sách người chưa tham gia BHXH, BHYT, BHTN, tài liệu tuyên truyền về các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm của đơn vị trong việc đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, các quy định liên quan đến việc xử phạt nộp chậm, xử phạt vi phạm đối với đơn vị nợ... đến tất cả đơn vị sử dụng lao động chưa đóng hoặc đóng chưa đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

+ Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức làm việc với đơn vị; lập Biên bản làm việc (Mẫu số D04h-TS) yêu cầu đơn vị thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động.

+ Tổ chức thanh tra chuyên ngành đóng BHXH, BHYT, BHTN đột xuất đối với các đơn vị không chấp hành đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động hoặc không ký biên bản làm việc; kiên quyết xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

+ Đề xuất UBND tỉnh thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành để thanh tra, kiểm tra đối với đơn vị cố tình trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động với số lượng lớn.

+ Lập hồ sơ chuyển cơ quan điều tra xử lý đối với đơn vị cố tình trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo quy định tại Điều 216 Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Lập danh sách đơn vị không có tại địa chỉ kinh doanh, đơn vị không đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động qua kết quả điều tra, rà soát gửi cơ quan quan thuế xử lý theo Quy chế phối hợp giữa Hai Ngành.

- Rà soát nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước đóng BHYT: Phối hợp với cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện việc rà soát, đối chiếu danh sách người được ngân sách nhà nước đóng BHYT (người nghèo, bảo trợ xã hội, cựu chiến binh, tham gia kháng chiến, trẻ em....) nhưng chưa được cấp thẻ BHYT để lập danh sách cấp thẻ BHYT đầy đủ, kịp thời, không bỏ sót đối tượng theo quy định.

b) Trường hợp dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp phải áp dụng các biện pháp phòng chống dịch

Các địa phương đang phải áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội, hạn chế tụ tập đông người, hạn chế tiếp xúc để phòng, chống dịch Covid-19 thực hiện như sau:

- Đối với việc điều tra rà soát dữ liệu thuế:

+ Kết xuất dữ liệu trên phần mềm quản lý thu - số, thẻ, phân loại, lập danh sách đơn vị chưa tham gia, tham gia chưa đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN (mẫu D04a-TS, mẫu D04b-TS) cho người lao động.

+ Gửi thông báo kèm danh sách người chưa tham gia BHXH, BHYT, BHTN, tài liệu tuyên truyền về các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, các quy định liên quan đến việc xử lý nộp chậm, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý trách nhiệm hình sự đối với đơn vị nợ, ... đến tất cả đơn vị sử dụng lao động chưa tham gia hoặc tham gia chưa đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động qua dịch vụ công ích.

+ Thực hiện việc đôn đốc, trao đổi, tiếp nhận thông tin phản hồi của đơn vị thông qua hình thức trực tuyến như điện thoại, mail, zalo, facebook, ..., đảm bảo thực hiện đầy đủ các công việc như đã nêu ở tiết a điểm 1.2 nêu trên.

+ Gửi văn bản cho đơn vị chưa thực hiện việc đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động yêu cầu báo cáo tình hình đóng BHXH, BHYT, BHTN bắt buộc (Mẫu 01, Mẫu 02 ban hành kèm theo Quyết định 688/QĐ-BHXH) qua dịch vụ công ích.

+ Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đóng linh hoạt, phù hợp điều kiện phòng, chống dịch bệnh đối với đơn vị trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động bằng phương pháp kết hợp giữa thanh tra trực tiếp

hoặc thanh tra điện tử hoặc kết hợp cả trực tiếp và điện tử, đảm bảo phù hợp với yêu cầu phòng chống dịch Covid-19 và hướng dẫn của BHXH Việt Nam;

+ Đề xuất UBND tỉnh thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành đối với đơn vị trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, khi dịch bệnh được khống chế, các địa phương, đơn vị hoạt động trở lại trong trạng thái bình thường mới.

- Đối với nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước đóng BHYT (người nghèo, bảo trợ xã hội, cựu chiến binh, tham gia kháng chiến, trẻ em...): Thực hiện việc rà soát, đối chiếu thông qua việc gửi, nhận văn bản điện tử hoặc qua dịch vụ công ích để lập danh sách cấp thẻ BHYT đầy đủ, kịp thời, không bỏ sót đối tượng theo quy định.

2. Thu và phát triển người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT tự đóng

2.1. Đôn đốc thu

a) Trường hợp dịch bệnh covid-19 được kiểm soát, các địa phương, đơn vị hoạt động trong trạng thái bình thường mới

- Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn các đại lý thu và người tham gia tuân thủ quy định về việc đóng BHXH, BHYT cho cơ quan BHXH. Khuyến khích người dân thực hiện gia hạn thẻ BHYT, đóng tiếp BHXH tự nguyện trên dịch vụ công quốc gia và dịch vụ công của ngành BHXH Việt Nam.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan tài chính các cấp, cơ quan quản lý đối tượng tham gia BHYT đối chiếu, đôn đốc thực hiện việc chuyển tiền đóng BHYT kịp thời, không để nợ đọng.

b) Trường hợp dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp phải áp dụng các biện pháp phòng chống dịch

- Các địa phương đang phải áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội, hạn chế tụ tập đông người, hạn chế tiếp xúc để phòng, chống dịch Covid-19, hướng dẫn các đại lý thu, người tham gia đóng tiền trên dịch vụ công quốc gia và dịch vụ công của ngành BHXH Việt Nam.

- Thực hiện việc đối chiếu, đôn đốc tiền đóng, làm việc, trao đổi thông tin, với cơ quan tài chính, cơ quan quản lý đối tượng bằng hình thức trực tuyến qua điện thoại, zalo, mail, facebook, ...

2.2. Phát triển người tham gia

a) Trường hợp dịch bệnh covid-19 được kiểm soát, các địa phương, đơn vị hoạt động trong trạng thái bình thường mới

- Hằng tuần cơ quan BHXH, đại lý thu xây dựng kế hoạch về tuyên truyền, vận động duy trì, phát triển mới người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT tự đóng trên cơ sở dữ liệu người chưa tham gia BHXH, BHYT tiềm năng theo địa bàn cấp xã và danh sách người tham gia đến hạn phải đóng BHXH tự nguyện, BHYT. Kế

hoạch phải cụ thể về chỉ tiêu, số lượng, tần suất tuyên truyền, phân rõ trách nhiệm của từng cá nhân trong tổ chức thực hiện.

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động phát triển người tham gia theo kế hoạch đã xây dựng:

+ Hằng ngày, cán bộ BHXH, nhân viên đại lý thu gặp gỡ từng người hoặc từng nhóm người tiềm năng chưa tham gia BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình để tuyên truyền vận động tham gia BHXH, BHYT.

Việc tuyên truyền đa dạng, phù hợp, hiệu quả; phương pháp, tài liệu tuyên truyền phải phong phú, phù hợp về nội dung, hình ảnh, ngôn ngữ, ...

+ Tổ chức các hội nghị khách hàng đối với từng nhóm người tiềm năng hoặc các nhóm người tiềm năng để tuyên truyền, vận động phát triển người tham gia BHXH, BHYT, đảm bảo phần đầu hoàn thành số lượng các cuộc hội nghị tuyên truyền theo phụ lục 05 đính kèm.

Việc tổ chức hội nghị phải đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với từng nhóm đối tượng tiềm năng.

Tờ rơi, tờ gấp và các ấn phẩm tuyên truyền khác phải được phát đến tất cả người dân đến dự Hội nghị. Tài liệu tuyên truyền đảm bảo phù hợp về nội dung, hình ảnh, ngôn ngữ, ...

Nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức các hội nghị khách hàng được thực hiện linh hoạt, bám sát các nội dung tại Công văn số 2649/BHXH-BT ngày 20/8/2020 của BHXH Việt Nam về việc ban hành tài liệu tuyên truyền phát triển người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT.

- Dự kiến tổ chức lễ ra quân phát triển người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT học sinh, sinh viên trong tháng 10 năm 2021.

- Thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng đảm bảo thiết thực, phù hợp, thông tin đến được với đông đảo người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền về lợi ích thiết thực khi tham gia BHXH tự nguyện, BHYT thông qua việc gửi các bản tin, thông điệp truyền thông...qua điện thoại, zalo, facebook,... qua hệ thống loa truyền thanh cấp xã... để vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện, BHYT.

b) Trường hợp dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp phải áp dụng các biện pháp phòng chống dịch

Các địa phương đang phải áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội, hạn chế tụ tập đông người, hạn chế tiếp xúc để phòng, chống dịch Covid-19, thực hiện như sau:

- Hằng tháng, BHXH cấp tỉnh, huyện gửi danh sách người tiềm năng chưa tham gia, người đang tham gia đến hạn đóng bằng hình thức trực tuyến qua mail, zalo, facebook... hoặc qua dịch vụ công ích đến từng đại lý thu.

- BHXH tỉnh, huyện và đại lý thu xây dựng kế hoạch hằng tuần tổ chức tuyên truyền, vận động để duy trì và phát triển mới người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT theo hình thức trực tuyến:

+ Thực hiện việc gửi tin nhắn, gửi mail, tài liệu tuyên truyền tới các nhóm người tiềm năng chưa tham gia, người đang tham gia đến hạn đóng để vận động tiếp tục tham gia.

+ Tổ chức các hội nghị trực tuyến, livestream trên mạng xã hội, trên fanpage,... với nhóm người tiềm năng chưa tham gia để tuyên truyền, vận động phát triển người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT, phấn đấu hoàn thành số lượng các cuộc hội nghị, livestream theo phụ lục 05 đính kèm.

Việc tổ chức hội nghị phải đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với từng nhóm người tiềm năng và yêu cầu phòng chống dịch bệnh Covid-19.

- Thực hiện các chuyên trang, chuyên mục, bài viết, bản tin, phóng sự, ... trên các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền về lợi ích thiết thực khi tham gia BHXH tự nguyện, BHYT để vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện, BHYT đảm bảo thông tin đến được với đông đảo người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền về lợi ích thiết thực khi tham gia BHXH tự nguyện, BHYT thông qua việc gửi các bản tin, thông điệp truyền thông...qua điện thoại, zalo, facebook,... qua hệ thống loa truyền thanh cấp xã... để vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện, BHYT.

IV. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Ban Quản lý Thu - Sở, Thẻ

- Phân công cụ thể trách nhiệm cho từng công chức, viên chức và người lao động trực tiếp làm việc tại địa phương để hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc kịp thời và nghiệm thu kết quả thực hiện theo từng nội dung nêu trên.

Trường hợp các địa phương đang phải áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19, công chức, viên chức được phân công làm việc trực tuyến qua điện thoại, zalo, mail, facebook,

- Phối hợp Vụ Thanh tra - Kiểm tra thành lập các đoàn thanh tra để thanh tra chuyên ngành đóng đột xuất đối với đơn vị cố tình trốn đóng, đơn vị có số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN lớn tại một số địa phương.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng BHXH tỉnh, từng đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam được phân công tại Kế hoạch này với Lãnh đạo Ngành BHXH Việt Nam vào ngày 15 và ngày cuối cùng của tháng.

- Đề xuất khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

2. Trung tâm truyền thông

- Căn cứ nội dung tại Mục III Kế hoạch này, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

+ Hướng dẫn BHXH tỉnh triển khai thực hiện các hình thức tuyên truyền trực tiếp và trực tuyến về tuyên truyền phát triển đối tượng. Trong đó, hội nghị trực tuyến do BHXH tỉnh thực hiện đảm bảo tối thiểu 02 hội nghị/tháng/tỉnh.

+ Hướng dẫn, đôn đốc BHXH tỉnh xây dựng tài liệu tuyên truyền (nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền, ...) và việc phát tài liệu tuyên truyền, đảm bảo các đơn vị sử dụng lao động chưa tham gia, người tiềm năng chưa tham gia BHXH, BHYT cần khai thác được tiếp cận các thông tin tuyên truyền.

+ Kiểm tra, đôn đốc BHXH tỉnh triển khai các hoạt động tuyên truyền vận động phát triển người tham gia, việc tổ chức các hội nghị khách hàng theo nhóm người tiềm năng đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp. Thực hiện việc nghiệm thu về số lượng hội nghị, số lượng người tham gia hội nghị khách hàng của từng BHXH tỉnh;

+ Tổ chức các Lễ ra quân, các hoạt động tuyên truyền trọng điểm, truyền thông cao điểm về công tác phát triển người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT trên cổng thông tin điện tử của Ngành BHXH Việt Nam, trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Trung ương và hướng dẫn BHXH tỉnh thực hiện.

- Tổng hợp, đề xuất phân bổ dự toán kinh phí phục vụ các hoạt động tuyên truyền đối với BHXH các địa phương, đảm bảo các địa phương có đủ kinh phí để triển khai các hoạt động tuyên truyền phát triển người tham gia, trình Lãnh đạo Ngành phê duyệt, chuyển Vụ Tài chính - Kế toán theo dõi, tổng hợp chung.

- Trước ngày 15 và ngày cuối cùng của tháng, gửi kết quả thực hiện về Ban Quản lý Thu - Số, Thẻ (Mẫu 01 đính kèm) để tổng hợp theo dõi, báo cáo Lãnh đạo Ngành BHXH Việt Nam.

3. Vụ Tài chính - Kế toán

- Trên cơ sở dự toán các nội dung chi các hoạt động tuyên truyền phát triển người tham gia BHXH, BHYT do Trung tâm truyền thông xây dựng, Vụ Tài chính - Kế toán tổng hợp bố trí kinh phí vào dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT cho các đơn vị.

- Hướng dẫn nội dung chi, mức chi, thanh quyết toán đối với hoạt động truyền thông trực tuyến.

4. Vụ Thanh tra - Kiểm tra

- Hướng dẫn BHXH tỉnh phương pháp, cách thức, quy trình tổ chức thanh tra chuyên ngành đột xuất bằng phương pháp kết hợp giữa thanh tra trực tiếp và điện tử đối với đơn vị vi phạm về trốn đóng và nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN.

- Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện thanh tra chuyên ngành đóng đối với các đơn vị trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, đơn vị nợ từ 03 tháng trở lên tại các BHXH tỉnh, phân đầu hoàn thành chỉ tiêu được giao tại Kế hoạch này.

- Hướng dẫn BHXH tỉnh phương pháp lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị quyết 05/2019/NQ-HĐTP ngày 15/8/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Phối hợp với Ban Quản lý Thu - Sở thẻ thành lập các đoàn thanh tra và trực tiếp thanh tra chuyên ngành đóng đột xuất đơn vị có số tiền nợ lớn tại một số địa phương.

- Kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình thực hiện của các địa phương theo quy định.

- Trước ngày 15 và ngày cuối cùng của tháng, gửi kết quả thực hiện về Ban Quản lý Thu - Sở, Thẻ (Mẫu 01 đính kèm) để tổng hợp.

5. Vụ Pháp chế

- Thực hiện kiểm tra các quyết định xử phạt hành chính của BHXH tỉnh đối với các hành vi vi phạm theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐTP.

- Hướng dẫn, đôn đốc BHXH tỉnh tiếp nhận, xử lý thông tin; lập hồ sơ kiến nghị khởi tố, gửi đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định.

6. BHXH tỉnh

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã phối hợp chỉ đạo, thực hiện các giải pháp về thu, phát triển người tham gia theo các nội dung đã nêu tại mục III Kế hoạch này.

- Thành lập Ban Chỉ đạo phát triển người tham gia BHXH, BHYT, BHTN (Ban Chỉ đạo) do Giám đốc BHXH tỉnh làm Trưởng ban, Phó Giám đốc phụ trách thu làm Phó Trưởng ban Thường trực, thành viên là Trưởng các phòng liên quan. Phân công nhiệm vụ cụ thể, đồng thời gắn trách nhiệm thực hiện cho từng thành viên trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của BHXH Việt Nam, xây dựng kế hoạch cụ thể hằng tuần, hằng tháng; huy động, trung tập công chức, viên chức và người lao động để thực hiện các giải pháp về thu và phát triển người tham gia đảm bảo phù hợp với yêu cầu phòng, chống dịch bệnh Covid-19, Phân đầu hoàn thành

đầy đủ các chỉ tiêu về thu, phát triển người tham gia, số lượng các cuộc hội nghị khách hàng, số cuộc thanh tra, kiểm tra, số đơn vị, người lao động cần điều tra, rà soát từ dữ liệu Thuế được giao tại Kế hoạch này.

- Đề xuất UBND tỉnh trích ngân sách hoặc huy động từ các nguồn lực khác hỗ trợ thêm kinh phí đóng BHXH tự nguyện, BHYT cho người dân, nhất là người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người mới thoát nghèo, nông thôn mới, học sinh, sinh viên;

- Thường xuyên đánh giá, rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ nêu tại Kế hoạch này. Xem xét đánh giá, khen thưởng xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác và bình xét đánh giá xếp loại thi đua đối với tập thể cá nhân;

- Kịp thời đề xuất BHXH Việt Nam công nhận các sáng kiến, giải pháp mới hiệu quả; đề xuất việc cấp kinh phí tuyên truyền bổ sung (nếu thiếu); khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này;

- Trước ngày 15 và ngày cuối cùng của tháng, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, việc sử dụng kinh phí tuyên truyền phát triển đối tượng theo dự toán được giao (Mẫu 02 đính kèm) về BHXH Việt Nam (Ban Quản lý Thu - Sở, Thê) để tổng hợp.

7. Các đơn vị khác trực thuộc BHXH Việt Nam

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung theo Kế hoạch.

Yêu cầu các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam, BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh BHXH Việt Nam (qua Ban Quản lý Thu - Sở, thê) để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam;
- BHXH các tỉnh, tp trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TST (0/b)

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Đình Liệu

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGƯỜI THAM GIA, BHXH, BHYT 04 THÁNG CUỐI NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 2800/KH-BHXH ngày 06./9./2021 của BHXH Việt Nam)

TT	BHXH tỉnh, thành phố	BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC					BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN					BẢO HIỂM Y TẾ				
		Tổng số	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng số	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng số	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
	Toàn quốc	2,350,507	470,101	822,677	705,152	352,576	561,056	112,211	196,370	168,317	84,158	4,786,478	957,296	1,675,267	1,435,943	717,972
1	Hà Nội	210,739	42,148	73,759	63,222	31,611	33,147	6,629	11,601	9,944	4,972	121,354	24,271	42,474	36,406	18,203
2	Hồ Chí Minh	609,906	121,981	213,467	182,972	91,486	68,237	13,647	23,883	20,471	10,236	725,099	145,020	253,785	217,530	108,765
3	An Giang	33,460	6,692	11,711	10,038	5,019	17,525	3,505	6,134	5,257	2,629	111,303	22,261	38,956	33,391	16,695
4	Bà Rịa-V. Tàu	32,813	6,563	11,485	9,844	4,922	11,303	2,261	3,956	3,391	1,695	42,242	8,448	14,785	12,673	6,336
5	Bạc Liêu	2,638	528	923	791	396	6,482	1,296	2,269	1,944	972	223,783	44,757	78,324	67,135	33,567
6	Bắc Giang	34,125	6,825	11,944	10,237	5,119	8,800	1,760	3,080	2,640	1,320	41,877	8,375	14,657	12,563	6,282
7	Bắc Kạn	1,450	290	507	435	217	2,615	523	915	784	392	9,349	1,870	3,272	2,805	1,402
8	Bắc Ninh	56,497	11,299	19,774	16,949	8,475	3,849	770	1,347	1,155	577	24,857	4,971	8,700	7,457	3,729
9	Bến Tre	30,049	6,010	10,517	9,015	4,507	8,139	1,628	2,849	2,442	1,221	22,518	4,504	7,881	6,756	3,378
10	Bình Dương	510,167	102,033	178,558	153,050	76,525	11,682	2,336	4,089	3,505	1,752	163,057	32,611	57,070	48,917	24,459
11	Bình Định	7,555	1,511	2,644	2,267	1,133	8,412	1,682	2,944	2,523	1,262	25,042	5,008	8,765	7,513	3,756
12	Bình Phước	21,899	4,380	7,665	6,570	3,285	7,852	1,570	2,748	2,356	1,178	106,936	21,387	37,427	32,081	16,040
13	Bình Thuận	15,248	3,050	5,337	4,574	2,287	9,447	1,889	3,307	2,834	1,417	77,866	15,573	27,253	23,360	11,680
14	Cà Mau	9,888	1,978	3,461	2,966	1,483	14,444	2,889	5,055	4,333	2,167	108,163	21,633	37,857	32,449	16,224
15	Cao Bằng	1,582	316	554	475	237	1,534	307	537	460	230	27,178	5,436	9,512	8,153	4,077
16	Cần Thơ	44,462	8,892	15,562	13,339	6,669	10,198	2,040	3,569	3,059	1,530	89,423	17,885	31,298	26,827	13,413
17	Đà Nẵng	31,972	6,394	11,190	9,592	4,796	6,393	1,279	2,238	1,918	959	41,407	8,281	14,493	12,422	6,211
18	Đắk Lắk	6,443	1,289	2,255	1,933	966	9,851	1,970	3,448	2,955	1,478	195,356	39,071	68,375	58,607	29,303
19	Đắk Nông	1,424	285	499	427	214	6,539	1,308	2,289	1,962	981	74,622	14,924	26,118	22,387	11,193
20	Điện Biên	1,755	351	614	527	263	3,867	773	1,353	1,160	580	20,365	4,073	7,128	6,109	3,055
21	Đồng Nai	195,540	39,108	68,439	58,662	29,331	20,409	4,082	7,143	6,123	3,061	130,234	26,047	45,582	39,070	19,535
22	Đồng Tháp	20,433	4,087	7,151	6,130	3,065	8,296	1,659	2,903	2,489	1,244	22,934	4,587	8,027	6,880	3,440
23	Gia Lai	6,503	1,301	2,276	1,951	975	8,659	1,732	3,031	2,598	1,299	202,439	40,488	70,853	60,732	30,366
24	Hà Giang	2,214	443	775	664	332	2,691	538	942	807	404	18,215	3,643	6,375	5,465	2,732
25	Hà Nam	3,729	746	1,305	1,119	559	2,472	494	865	742	371	1,188	238	416	356	178
26	Hà Tĩnh	915	183	320	275	137	2,693	539	943	808	404	1,407	281	492	422	211
27	Hải Dương	5,813	1,163	2,034	1,744	872	6,526	1,305	2,284	1,958	979	2,210	442	773	663	331
28	Hải Phòng	11,273	2,255	3,946	3,382	1,691	10,783	2,157	3,774	3,235	1,617	10,157	2,031	3,555	3,047	1,524
29	Hậu Giang	5,946	1,189	2,081	1,784	892	6,249	1,250	2,187	1,875	937	89,781	17,956	31,423	26,934	13,467
30	Hoà Bình	4,071	814	1,425	1,221	611	5,423	1,085	1,898	1,627	813	79,239	15,848	27,734	23,772	11,886

TT	BHXH tỉnh, thành phố	BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC					BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN					BẢO HIỂM Y TẾ				
		Tổng số	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng số	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng số	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
	Toàn quốc	2,350,507	470,101	822,677	705,152	352,576	561,056	112,211	196,370	168,317	84,158	4,786,478	957,296	1,675,267	1,435,943	717,972
31	Hưng Yên	2,923	585	1,023	877	438	5,868	1,174	2,054	1,760	880	2,043	409	715	613	307
32	Khánh Hoà	25,355	5,071	8,874	7,607	3,803	8,918	1,784	3,121	2,675	1,338	16,021	3,204	5,607	4,806	2,403
33	Kiên Giang	12,468	2,494	4,364	3,740	1,870	14,375	2,875	5,031	4,312	2,156	165,530	33,106	57,936	49,659	24,830
34	Kom Tum	1,432	286	501	430	215	1,653	331	578	496	248	35,279	7,056	12,348	10,584	5,292
35	Lai Châu	1,153	231	403	346	173	5,191	1,038	1,817	1,557	779	97,391	19,478	34,087	29,217	14,609
36	Lạng Sơn	3,436	687	1,202	1,031	515	7,479	1,496	2,617	2,244	1,122	82,231	16,446	28,781	24,669	12,335
37	Lào Cai	3,312	662	1,159	994	497	5,036	1,007	1,762	1,511	755	99,378	19,876	34,782	29,813	14,907
38	Lâm Đồng	8,975	1,795	3,141	2,693	1,346	9,175	1,835	3,211	2,753	1,376	26,943	5,389	9,430	8,083	4,041
39	Long An	121,974	24,395	42,691	36,592	18,296	13,070	2,614	4,575	3,921	1,961	79,433	15,887	27,802	23,830	11,915
40	Nam Định	1,138	228	398	341	171	8,308	1,662	2,908	2,492	1,246	2,006	401	702	602	301
41	Nghệ An	2,176	435	762	653	326	5,967	1,193	2,088	1,790	895	140,883	28,177	49,309	42,265	21,132
42	Ninh Bình	6,874	1,375	2,406	2,062	1,031	4,848	970	1,697	1,455	727	25,396	5,079	8,889	7,619	3,809
43	Ninh Thuận	3,700	740	1,295	1,110	555	5,160	1,032	1,806	1,548	774	52,810	10,562	18,484	15,843	7,922
44	Phú Thọ	4,912	982	1,719	1,474	737	3,502	700	1,226	1,051	525	85,063	17,013	29,772	25,519	12,760
45	Phú Yên	5,442	1,088	1,905	1,632	816	8,564	1,713	2,997	2,569	1,285	20,553	4,111	7,194	6,166	3,083
46	Quảng Bình	2,848	570	997	854	427	5,006	1,001	1,752	1,502	751	80,935	16,187	28,327	24,280	12,140
47	Quảng Nam	10,130	2,026	3,545	3,039	1,519	6,594	1,319	2,308	1,978	989	21,776	4,355	7,622	6,533	3,266
48	Quảng Ngãi	1,346	269	471	404	202	10,020	2,004	3,507	3,006	1,503	28,719	5,744	10,052	8,616	4,308
49	Quảng Ninh	5,213	1,043	1,825	1,564	782	9,755	1,951	3,414	2,926	1,463	3,801	760	1,330	1,140	570
50	Quảng Trị	1,620	324	567	486	243	6,927	1,385	2,424	2,078	1,039	1,189	238	416	357	178
51	Sóc Trăng	6,580	1,316	2,303	1,974	987	9,161	1,832	3,206	2,748	1,374	279,557	55,911	97,845	83,867	41,934
52	Sơn La	3,624	725	1,268	1,087	544	4,469	894	1,564	1,341	670	130,142	26,028	45,550	39,043	19,521
53	Tây Ninh	60,401	12,080	21,140	18,120	9,060	11,776	2,355	4,121	3,533	1,766	69,970	13,994	24,490	20,991	10,496
54	Thái Bình	1,328	266	465	399	199	3,336	667	1,168	1,001	500	28,591	5,718	10,007	8,577	4,289
55	Thái Nguyên	19,096	3,819	6,683	5,729	2,864	4,651	930	1,628	1,395	698	84,470	16,894	29,564	25,341	12,670
56	Thanh Hoá	2,849	570	997	855	427	19,272	3,854	6,745	5,782	2,891	30,331	6,066	10,616	9,099	4,550
57	T. Thiên - Huế	3,961	792	1,386	1,188	594	3,274	655	1,146	982	491	11,715	2,343	4,100	3,515	1,757
58	Tiền Giang	65,924	13,185	23,073	19,777	9,889	9,257	1,851	3,240	2,777	1,389	80,346	16,069	28,121	24,104	12,052
59	Trà Vinh	11,213	2,243	3,925	3,364	1,682	6,118	1,224	2,141	1,835	918	13,605	2,721	4,762	4,082	2,041
60	Tuyên Quang	326	65	114	98	49	4,901	980	1,716	1,470	735	53,698	10,740	18,794	16,109	8,055
61	Vĩnh Long	15,725	3,145	5,504	4,717	2,359	4,704	941	1,646	1,411	706	25,890	5,178	9,061	7,767	3,883
62	Vĩnh Phúc	10,631	2,126	3,721	3,189	1,595	5,613	1,123	1,965	1,684	842	9,005	1,801	3,152	2,701	1,351
63	Yên Bái	1,912	382	669	573	287	4,591	918	1,607	1,377	689	92,179	18,436	32,263	27,654	13,827

CHỈ TIÊU THU 04 THÁNG CUỐI NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số: 2800/KH-BHXH ngày 06./...9./2021 của BHXH Việt Nam)

STT	BHXH tỉnh, TP	Tổng số phải thu				
			Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Toàn quốc		160,669,625	35,222,543	39,625,361	41,439,485	44,382,235
1	Hà Nội	20,586,292	4,539,521	5,106,961	5,340,767	5,599,045
2	TP Hồ Chí Minh	31,164,314	6,585,348	7,408,516	7,747,692	9,422,758
3	An Giang	1,603,836	327,849	368,830	385,716	521,441
4	Bà Rịa - Vũng Tàu	2,688,968	585,713	658,927	689,094	755,233
5	Bạc Liêu	633,868	122,900	138,263	144,593	228,113
6	Bắc Giang	3,196,904	655,259	737,166	770,915	1,033,565
7	Bắc Kạn	260,251	65,271	73,430	76,792	44,759
8	Bắc Ninh	4,394,339	984,216	1,107,243	1,157,934	1,144,946
9	Bến Tre	1,353,778	270,903	304,766	318,718	459,391
10	Bình Dương	10,836,418	2,328,510	2,619,574	2,739,503	3,148,830
11	Bình Định	1,337,911	296,775	333,872	349,157	358,108
12	Bình Phước	1,346,781	305,345	343,513	359,240	338,684
13	Bình Thuận	1,089,428	232,504	261,567	273,542	321,816
14	Cà Mau	890,243	192,825	216,928	226,860	253,630
15	Cao Bằng	414,364	106,751	120,095	125,593	61,925
16	Cần Thơ	1,540,358	312,217	351,244	367,324	509,573
17	Đà Nẵng	2,382,951	508,640	572,220	598,417	703,673
18	Đắk Lắk	1,337,184	308,460	347,017	362,904	318,803
19	Đắk Nông	420,044	99,471	111,905	117,028	91,640
20	Điện Biên	441,357	112,908	127,022	132,837	68,590
21	Đồng Nai	9,841,180	2,125,108	2,390,747	2,500,200	2,825,125
22	Đồng Tháp	1,179,263	260,159	292,678	306,078	320,348
23	Gia Lai	1,055,753	241,765	271,986	284,438	257,563
24	Hà Giang	583,735	149,535	168,227	175,928	90,045
25	Hà Nam	1,177,246	284,098	319,610	334,243	239,294
26	Hà Tĩnh	1,067,021	254,489	286,300	299,407	226,825
27	Hải Dương	3,302,872	743,296	836,208	874,491	848,877
28	Hải Phòng	4,357,476	1,012,453	1,139,009	1,191,155	1,014,860
29	Hậu Giang	703,445	148,946	167,564	175,236	211,699
30	Hòa Bình	768,506	192,301	216,339	226,244	133,621

STT	BHXH tỉnh, TP	Tổng số phải thu				
			Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Toàn quốc		160,669,625	35,222,543	39,625,361	41,439,485	44,382,235
31	Hưng Yên	1,983,381	468,233	526,762	550,878	437,508
32	Khánh Hòa	1,685,030	335,542	377,485	394,767	577,236
33	Kiên Giang	1,511,125	300,493	338,054	353,531	519,048
34	Kon Tum	433,949	106,098	119,360	124,824	83,667
35	Lai Châu	389,421	83,979	94,477	98,802	112,164
36	Lạng Sơn	683,156	154,352	173,646	181,596	173,563
37	Lào Cai	712,343	164,859	185,466	193,957	168,062
38	Lâm Đồng	1,106,229	243,320	273,735	286,268	302,905
39	Long An	3,834,461	760,046	855,052	894,198	1,325,165
40	Nam Định	1,900,637	442,167	497,437	520,211	440,822
41	Nghệ An	2,662,904	644,330	724,871	758,057	535,646
42	Ninh Bình	1,297,706	284,191	319,715	334,352	359,447
43	Ninh Thuận	447,066	104,819	117,922	123,320	101,005
44	Phú Thọ	1,671,115	392,334	441,376	461,583	375,823
45	Phú Yên	711,060	157,528	177,220	185,333	190,979
46	Quảng Bình	882,427	189,724	213,440	223,211	256,051
47	Quảng Nam	1,831,108	408,821	459,924	480,980	481,383
48	Quảng Ngãi	1,185,499	286,170	321,941	336,680	240,708
49	Quảng Ninh	2,483,417	559,744	629,712	658,541	635,421
50	Quảng Trị	632,464	139,561	157,006	164,194	171,702
51	Sóc Trăng	879,928	208,671	234,755	245,502	190,999
52	Son La	831,785	207,035	232,915	243,578	148,258
53	Tây Ninh	2,075,908	443,526	498,967	521,810	611,605
54	Thái Bình	2,009,190	444,781	500,378	523,286	540,745
55	Thái Nguyên	2,474,632	536,714	603,804	631,447	702,667
56	Thanh Hóa	3,464,385	825,549	928,743	971,263	738,830
57	Thừa Thiên Huế	1,421,859	296,638	333,717	348,995	442,508
58	Tiền Giang	2,258,550	464,241	522,272	546,182	725,855
59	Trà Vinh	922,198	197,096	221,733	231,884	271,486
60	Tuyên Quang	580,969	149,210	167,861	175,546	88,351
61	Vĩnh Long	1,068,136	225,810	254,036	265,666	322,624
62	Vĩnh Phúc	2,020,005	482,934	543,301	568,174	425,597
63	Yên Bái	661,494	160,493	180,555	188,821	131,625

PHỤ LỤC ĐƠN ĐOC ĐƠN VỊ NỢ TỪ 03 THÁNG TRỞ LÊN 04 THÁNG CUỐI NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 2800./KH-BHXH ngày 06./...9./2021 của BHXH Việt Nam)

TT	BHXH tỉnh, thành phố	Tổng số đơn vị thuộc diện thanh tra	Trong đó			
			Tháng 9/2021	Tháng 10/2021	Tháng 11/2021	Tháng 12/2021
Toàn quốc		24,745	4,949	8,661	7,918	3,217
1	Hà Nội	6,368	1,274	2,229	2,038	828
2	Hồ Chí Minh	7,347	1,469	2,571	2,351	955
3	An Giang	95	19	33	30	12
4	Bà Rịa - V. Tàu	296	59	104	95	38
5	Bạc Liêu	78	16	27	25	10
6	Bắc Giang	258	52	90	83	34
7	Bắc Kạn	30	6	11	10	4
8	Bắc Ninh	494	99	173	158	64
9	Bến Tre	91	18	32	29	12
10	Bình Dương	491	98	172	157	64
11	Bình Định	221	44	77	71	29
12	Bình Phước	76	15	27	24	10
13	Bình Thuận	157	31	55	50	20
14	Cà Mau	93	19	33	30	12
15	Cao Bằng	6	1	2	2	1
16	Cần Thơ	222	44	78	71	29
17	Đà Nẵng	478	96	167	153	62
18	Đắk Lắk	77	15	27	25	10
19	Đắk Nông	76	15	27	24	10
20	Điện Biên	57	11	20	18	7
21	Đồng Nai	541	108	189	173	70
22	Đồng Tháp	71	14	25	23	9
23	Gia Lai	140	28	49	45	18
24	Hà Giang	41	8	14	13	5
25	Hà Nam	136	27	48	44	18
26	Hà Tĩnh	183	37	64	59	24
27	Hải Dương	168	34	59	54	22
28	Hải Phòng	597	119	209	191	78
29	Hậu Giang	64	13	22	20	8
30	Hoà Bình	80	16	28	26	10

TT	BHXH tỉnh, thành phố	Tổng số đơn vị thuộc diện thanh tra	Trong đó			
			Tháng 9/2021	Tháng 10/2021	Tháng 11/2021	Tháng 12/2021
Toàn quốc		24,745	4,949	8,661	7,918	3,217
31	Hung Yên	300	60	105	96	39
32	Khánh Hoà	294	59	103	94	38
33	Kiên Giang	147	29	51	47	19
34	Kom Tum	49	10	17	16	6
35	Lai Châu	8	2	3	3	1
36	Lạng Sơn	101	20	35	32	13
37	Lào Cai	198	40	69	63	26
38	Lâm Đồng	137	27	48	44	18
39	Long An	214	43	75	68	28
40	Nam Định	252	50	88	81	33
41	Nghệ An	425	85	149	136	55
42	Ninh Bình	175	35	61	56	23
43	Ninh Thuận	96	19	34	31	12
44	Phú Thọ	127	25	44	41	17
45	Phú Yên	125	25	44	40	16
46	Quảng Bình	122	24	43	39	16
47	Quảng Nam	292	58	102	93	38
48	Quảng Ngãi	193	39	68	62	25
49	Quảng Ninh	318	64	111	102	41
50	Quảng Trị	76	15	27	24	10
51	Sóc Trăng	53	11	19	17	7
52	Son La	35	7	12	11	5
53	Tây Ninh	83	17	29	27	11
54	Thái Bình	173	35	61	55	22
55	Thái Nguyên	135	27	47	43	18
56	Thanh Hoá	703	141	246	225	91
57	T. Thiên - Huế	289	58	101	92	38
58	Tiền Giang	77	15	27	25	10
59	Trà Vinh	46	9	16	15	6
60	Tuyên Quang	35	7	12	11	5
61	Vĩnh Long	109	22	38	35	14
62	Vĩnh Phúc	281	56	98	90	37
63	Yên Bái	45	9	16	14	6

CHỈ TIÊU VÀ SOÁT DỮ LIỆU DO CƠ QUAN THUẾ CUNG CẤP

(Kèm theo Kế hoạch số: 2800/KH-BHXH ngày 06/...9/2021 của BHXH Việt Nam)

TT	BHXH tỉnh, thành phố	Tổng số	Trong đó			
			Tháng 9/2021	Tháng 10/2021	Tháng 11/2021	Tháng 12/2021
Toàn quốc		4,932,709	986,542	1,973,084	1,479,813	493,271
1	Hà Nội	1,396,177	279,235	558,471	418,853	139,618
2	TP Hồ Chí Minh	472,677	94,535	189,071	141,803	47,268
3	An Giang	16,156	3,231	6,462	4,847	1,616
4	Bà Rịa - Vũng Tàu	60,526	12,105	24,210	18,158	6,053
5	Bạc Liêu	10,603	2,121	4,241	3,181	1,060
6	Bắc Giang	132,201	26,440	52,880	39,660	13,220
7	Bắc Kạn	2,300	460	920	690	230
8	Bắc Ninh	158,617	31,723	63,447	47,585	15,862
9	Bến Tre	7,657	1,531	3,063	2,297	766
10	Bình Dương	125,859	25,172	50,344	37,758	12,586
11	Bình Định	94,901	18,980	37,960	28,470	9,490
12	Bình Phước	21,629	4,326	8,652	6,489	2,163
13	Bình Thuận	21,711	4,342	8,684	6,513	2,171
14	Cà Mau	44,559	8,912	17,824	13,368	4,456
15	Cao Bằng	14,813	2,963	5,925	4,444	1,481
16	Cần Thơ	32,377	6,475	12,951	9,713	3,238
17	Đà Nẵng	146,362	29,272	58,545	43,909	14,636
18	Đắk Lắk	50,333	10,067	20,133	15,100	5,033
19	Đắk Nông	16,660	3,332	6,664	4,998	1,666
20	Điện Biên	17,335	3,467	6,934	5,201	1,734
21	Đồng Nai	99,225	19,845	39,690	29,768	9,923
22	Đồng Tháp	12,373	2,475	4,949	3,712	1,237
23	Gia Lai	48,021	9,604	19,208	14,406	4,802
24	Hà Giang	25,754	5,151	10,302	7,726	2,575
25	Hà Nam	53,511	10,702	21,404	16,053	5,351
26	Hà Tĩnh	57,120	11,424	22,848	17,136	5,712
27	Hải Dương	116,167	23,233	46,467	34,850	11,617
28	Hải Phòng	153,583	30,717	61,433	46,075	15,358
29	Hậu Giang	6,334	1,267	2,534	1,900	633
30	Hoà Bình	21,765	4,353	8,706	6,530	2,177
31	Hung Yên	71,028	14,206	28,411	21,308	7,103

TT	BHXH tỉnh, thành phố	Tổng số	Trong đó			
			Tháng 9/2021	Tháng 10/2021	Tháng 11/2021	Tháng 12/2021
Toàn quốc		4,932,709	986,542	1,973,084	1,479,813	493,271
32	Khánh Hoà	61,116	12,223	24,446	18,335	6,112
33	Kiên Giang	22,316	4,463	8,926	6,695	2,232
34	Kom Tum	22,664	4,533	9,066	6,799	2,266
35	Lai Châu	6,086	1,217	2,434	1,826	609
36	Lạng Sơn	22,419	4,484	8,968	6,726	2,242
37	Lào Cai	48,348	9,670	19,339	14,504	4,835
38	Lâm Đồng	26,210	5,242	10,484	7,863	2,621
39	Long An	32,353	6,471	12,941	9,706	3,235
40	Nam Định	65,066	13,013	26,026	19,520	6,507
41	Nghệ An	120,917	24,183	48,367	36,275	12,092
42	Ninh Bình	54,129	10,826	21,652	16,239	5,413
43	Ninh Thuận	17,069	3,414	6,828	5,121	1,707
44	Phú Thọ	64,393	12,879	25,757	19,318	6,439
45	Phú Yên	32,128	6,426	12,851	9,638	3,213
46	Quảng Bình	23,437	4,687	9,375	7,031	2,344
47	Quảng Nam	73,012	14,602	29,205	21,904	7,301
48	Quảng Ngãi	55,127	11,025	22,051	16,538	5,513
49	Quảng Ninh	89,715	17,943	35,886	26,915	8,972
50	Quảng Trị	20,438	4,088	8,175	6,131	2,044
51	Sóc Trăng	9,314	1,863	3,726	2,794	931
52	Son La	36,885	7,377	14,754	11,066	3,689
53	Tây Ninh	22,033	4,407	8,813	6,610	2,203
54	Thái Bình	86,864	17,373	34,746	26,059	8,686
55	Thái Nguyên	82,661	16,532	33,064	24,798	8,266
56	Thanh Hoá	77,563	15,513	31,025	23,269	7,756
57	T. Thiên - Huế	39,078	7,816	15,631	11,723	3,908
58	Tiền Giang	21,635	4,327	8,654	6,491	2,164
59	Trà Vinh	11,839	2,368	4,736	3,552	1,184
60	Tuyên Quang	29,831	5,966	11,932	8,949	2,983
61	Vĩnh Long	15,163	3,033	6,065	4,549	1,516
62	Vĩnh Phúc	87,486	17,497	34,994	26,246	8,749
63	Yên Bái	47,080	9,416	18,832	14,124	4,708

CHỈ TIÊU HỒI NGHỊ KHÁCH HÀNG TIỀM NĂNG THAM GIA BHXH TỰ NGUYỆN, BHYT

(Kèm theo Kế hoạch số 2.800/KH-BHXH ngày 06/.../2021 của BHXH Việt Nam)

TT	BHXH tỉnh, thành phố	Tổng số	Trong đó			
			Tháng 9/2021	Tháng 10/2021	Tháng 11/2021	Tháng 12/2021
Toàn quốc		52,032	8,977	15,710	13,465	6,733
1	Hà Nội	2,652	530	928	796	398
2	TP Hồ Chí Minh	5,459	1,092	1,911	1,638	819
3	An Giang	1,402	280	491	421	210
4	Bà Rịa - Vũng Tàu	904	181	316	271	136
5	Bạc Liêu	519	104	181	156	78
6	Bắc Giang	704	141	246	211	106
7	Bắc Kạn	209	42	73	63	31
8	Bắc Ninh	308	62	108	92	46
9	Bến Tre	651	130	228	195	98
10	Bình Dương	935	187	327	280	140
11	Bình Định	673	135	236	202	101
12	Bình Phước	628	126	220	188	94
13	Bình Thuận	756	151	265	227	113
14	Cà Mau	1,156	231	404	347	173
15	Cao Bằng	123	25	43	37	18
16	Cần Thơ	816	163	286	245	122
17	Đà Nẵng	511	102	179	153	77
18	Đắk Lắk	788	158	276	236	118
19	Đắk Nông	523	105	183	157	78
20	Điện Biên	309	62	108	93	46
21	Đồng Nai	1,633	327	571	490	245
22	Đồng Tháp	664	133	232	199	100
23	Gia Lai	693	139	242	208	104
24	Hà Giang	215	43	75	65	32
25	Hà Nam	198	40	69	59	30
26	Hà Tĩnh	215	43	75	65	32
27	Hải Dương	522	104	183	157	78
28	Hải Phòng	863	173	302	259	129
29	Hậu Giang	500	100	175	150	75
30	Hoà Bình	434	87	152	130	65
31	Hưng Yên	469	94	164	141	70

TT	BHXH tỉnh, thành phố	Tổng số	Trong đó			
			Tháng 9/2021	Tháng 10/2021	Tháng 11/2021	Tháng 12/2021
Toàn quốc		52,032	8,977	15,710	13,465	6,733
32	Khánh Hoà	713	143	250	214	107
33	Kiên Giang	1,150	230	402	345	172
34	Kom Tum	132	26	46	40	20
35	Lai Châu	415	83	145	125	62
36	Lạng Sơn	598	120	209	179	90
37	Lào Cai	403	81	141	121	60
38	Lâm Đồng	734	147	257	220	110
39	Long An	1,046	209	366	314	157
40	Nam Định	665	133	233	199	100
41	Nghệ An	477	95	167	143	72
42	Ninh Bình	388	78	136	116	58
43	Ninh Thuận	413	83	144	124	62
44	Phú Thọ	280	56	98	84	42
45	Phú Yên	685	137	240	206	103
46	Quảng Bình	400	80	140	120	60
47	Quảng Nam	528	106	185	158	79
48	Quảng Ngãi	802	160	281	240	120
49	Quảng Ninh	780	156	273	234	117
50	Quảng Trị	554	111	194	166	83
51	Sóc Trăng	733	147	257	220	110
52	Sơn La	358	72	125	107	54
53	Tây Ninh	942	188	330	283	141
54	Thái Bình	267	53	93	80	40
55	Thái Nguyên	372	74	130	112	56
56	Thanh Hoá	1,542	308	540	463	231
57	T. Thiên - Huế	262	52	92	79	39
58	Tiền Giang	741	148	259	222	111
59	Trà Vinh	489	98	171	147	73
60	Tuyên Quang	392	78	137	118	59
61	Vĩnh Long	376	75	132	113	56
62	Vĩnh Phúc	449	90	157	135	67
63	Yên Bái	7,515	73	129	110	55